TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2022/DS-PT
Ngày: 27/04/2022
V/v tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đạt

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Tuyết Linh

Bà Nguyễn Ái Đoan

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Đ Quyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và ngày 27 tháng 04 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp "Hợp đồng góp hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 53/2021/DS-ST ngày 18/5/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố M, tỉnh Tbị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Thị Anh Đ, sinh năm 1969(có mặt);

Địa chỉ: Tổ 10, Ấp Giáp Nước, Xã Phước T, Thành phố M, tỉnh T.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần thị Ngọc M , sinh năm: 1971(có mặt).

Địa chỉ : Ấp Đồng ,Xã Trung A , thành phố M, T

- *Bị đơn:*Nguyễn Thị Mỹ NG , sinh năm : 1974(có mặt).

Địa chỉ : 166/7N, phường X, thành phố M ,tỉnh T.

Tạm trú: Số 164 Phạm Hùng, ấp 1, xã T , thành phố M, tỉnh T

- *Người kháng cáo:* Bị đơn **Nguyễn Thị Mỹ NG.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm; *Nguyên đơn chị Trần Thị Anh Đ* ủy quyền cho chị Trần Thị Ngọc M trình bày: Giữ ý kiến trình bày như theo đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thị Mỹ NG có tham gia các dây hụi do chị làm chủ, cụ thể như sau:

- Ngày 25/7/2019 (âm lịch) chị khui 04 dây hụi tháng 1.000.000 đồng, mỗi dây 20 phần, chị NG tham gia 04 dây, mỗi dây một phần đều hốt đầu vào ngày 25/7/2019 (âm lịch), với số tiền là 12.800.000 đồng/dây hụi x 4 = 51.200.000 đồng. Sau khi hốt hụi xong chị NG không đóng lại hụi chết, chị phải bỏ tiền ra đóng thế cho chị NG, tính đến khi mãn hụi ngày 25/01/2020 (âm lịch), chị phải đóng với số tiền là 76.000.000 đồng.

- Ngày 05/9/2018 (âm lịch) chị khui 02 dây hụi tháng 1.000.000 đồng, chị NG tham gia 02 dây, mỗi dây một phần đều hốt đầu, sau khi hốt chị NG có đóng lại hụi chết đến tháng 10/2019 còn nợ lại 1.000.000 đồng, kể từ ngày 05/11/2019 (âm lịch) đến khi mãn hụi ngày 05/4/2020 (âm lịch) chị NG không đóng là 10.000.000 đồng, chị phải bỏ tiền ra đóng thế cho chị NG, trong 02 dây hụi này chị NG còn thiếu chị số tiền là 11.000.000 đồng. Tổng cộng chị NG không đóng hụi cho chị số tiền là 87.000.000 đồng, nay chị yêu cầu chị NG phải trả cho chị số tiền trên.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ NG không có mặt, không có văn bản thể hiện ý chí theo yêu cầu khởi kiện của chị Đ, mặc dù đã được thông báo về việc thụ lý vụ án và văn bản triệu tập nhiều lần của Tòa án.

Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2021/DS-ST ngày 18/5/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố M, tỉnh Tđã Căn cứ vào các Điều 26, 35, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị Định 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ; Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Anh Đ ủy quyền cho chị Trần Thị Ngọc M.

Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ NG có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị Anh Đ số tiền là 87.000.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/12/2021, bị đơn bà NG kháng cáo trễ hạn. Tại quyết định số 01/2022/QĐ-PT ngày 07/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã chấp nhận đơn kháng cáo trễ hạn của bà NG. Bà NG kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, hiện tại bà NG chỉ nợ bà Đ số tiền 6.000.000đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng nội qui phòng xử án và thực hiện

quyền , nghĩa vụ đúng pháp luật. Về nội dung, tại phiên tòa phúc thẩm bà NG có cung cấp chứng M về số tiền đã trả cho bà Đ, xét chứng cứ do bà NG cung cấp là có cơ sở một phần. Đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kháng cáo của bị đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm,ngày 18/12/2021, bị đơn – Bà NG kháng cáo trễ hạn .Tại quyết định số 01/2022/QĐ-PT ngày 07/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã chấp nhận đơn kháng cáo trễ hạn của bà NG.Bà NG đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng qui định của pháp luật, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Bà Đ khởi kiện bà NG đòi số tiền nợ hụi chết tổng cộng là 87.000.000đồng. Bà NG cho rằng đã trả tiền cho bà Đ chỉ còn nợ lại số tiền 6.000.000đồng. Sau khi tòa án sơ thẩm xét xử buộc bà NG trả cho bà Đ số tiền 87.000.000đồng thì bà NG kháng cáo yêu cầu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm, do bà NG chỉ còn nợ bà Đ số tiền 6.000.000đồng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn và bị đơn trình bày thống nhất bà Trần Thị Anh Đ là chủ hụi, bà Nguyễn Thị Mỹ NG là hụi viên tham gia các dây hụi do bà Đ làm chủ thảo. Hai bên trình bày thống nhất ngày khui hụi, số phần hụi và ngày hốt hụi và ngày mãn hụi, tranh chấp với nhau về số tiền đóng hụi chết,cụ thể như sau:

[3.1] Dây hụi khui ngày 05/9/2018 âm lịch, mãn hụi ngày 05/4/2020 âm lịch: bà NG tham gia 02 dây, mỗi dây 20 phần, trị giá mỗi phần 1.000.000đồng, bà NG hốt hết 02 phần ở kỳ khui đầu tiên (05/9/2018). Bà Đ cho rằng sau khi hốt hụi bà NG đóng hụi chết đến tháng 11/2019 thì ngưng hụi, còn nợ lại 05 kỳ =10.000.000đồng và nợ số tiền 1.000.000đồng còn nợ ở kỳ hụi trước, tổng cộng 11.000.000đồng. Bà NG cho rằng đã đóng hụi chết chỉ còn nợ lại 03 kỳ hụi chết tương đương số tiền 6.000.000đồng. Xét thấy, việc bà NG thừa nhận đã hốt 02 dây hụi ngày 05/9/2018 nên bà NG phải có nghĩa vụ chứng M số tiền đóng hụi chết cho bà Đ. Căn cứ vào tờ giấy hụi do bà NG cung cấp thể hiện bà Đ chỉ đóng hụi chết đến hết tháng 11 năm 2019 mà thôi. Đối với chứng cứ bà NG cung cấp bản chính tại phiên tòa phúc thẩm để chứng M bà có đóng thêm các lần hụi vào ngày 05/8/2020;05/9/2020; và 05/10/2020 thì thấy rằng, chứng cứ bà NG photo nộp kèm đơn kháng cáo thể hiện ngày cuối cùng là "05.10.2019" khi đối chiếu với bản chính do bà NG cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm thì có dấu sửa chữa từ năm 2019 thành năm 2020. Bản chính của nguồn chứng cứ này do bà NG cất giữ và cho rằng

bà Đ tự sửa là không có cơ sở. Bào Đ thừa nhận có thu tiền hụi ngày 05/8; 05/9 và 05/10 nhưng là năm 2019 bà NG tự sửa thành năm 2020. Do đó chứng cứ bà NG cung cấp có dấu sửa chữa và không phù hợp với chứng cứ ban đầu do bà NG pho tô nộp cho tòa án kèm theo đơn kháng cáo, nên không có giá trị chứng M. Đối với số tiền 1.000.000đồng nợ hụi của các lần đóng trước được bà NG thừa nhận nợ nhưng trình bày đã trả vào tháng 11/2020 nhưng không có chứng cứ gì chứng M, bà Đ cũng không thừa nhận. Do đó, có cơ sở xác định bà NG còn nợ 05 kỳ hụi chết chưa đóng từ tháng 12/2019 đến tháng 04/2020 âm lịch (ngày mãn hụi) cùng với 1.000.000đồng (nợ hụi của lần đóng trước), tổng cộng bà NG nợ là 11.000.000đồng. Xét nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử buộc bà NG trả bà Đ số tiền 11.000.000đồng tiền nợ hụi của dây hụi khui ngày 05/9/2018 âm lịch là có cơ sở, không chấp nhận kháng cáo của bà NG cho rằng chỉ còn nợ bà Đ 03 kỳ hụi với số tiền 6.000.000đồng.

[3.2]Dây hụi khui ngày 25/7/2019 âm lịch có 20 phần /01 dây: bà NG tham gia 04 dây (mỗi dây 01 phần), trị giá mỗi phần 1.000.000đồng. Bà NG hốt tất cả 04 phần hụi ở kỳ khui đầu tiên (25/7/2019 âm lịch). Bà Đ và bà NG cùng trình bày thống nhất 04 phần hụi này bà NG có nghĩa vụ trả cho bà Đ 76.000.000đồng tiền hụi chết. Bà Đ khởi kiện đòi bà NG phải trả 76.000.000đồng, bà NG cho rằng đã trả đủ cho bà Đ 76.000.000đồng làm 03 lần; ngày 25/02/2020 trả 20.000.000đồng; Ngày 25/3/2020 trả 36.000.000đồng; ngày 25/4/2020 trả 20.000.000đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà NG cung cấp tờ giấy trả tiền ghi ngày 25/02/2020 thể hiện "Trả 20.000.000đồng". Bà Đ thừa nhận có nhận 20.000.000đồng nhưng cho rằng số tiền này là số tiền nợ khác không phải tiền nợ hụi nhưng bà Đ không có chứng cứ nào khác để chứng M bà Đ có nợ số tiền 20.000.000đồng. Do đó, có cơ sở để xác định Bà NG có trả bà Đ số tiền 20.000.000đồng và được khấu trừ vào số nợ 76.000.000đồng. Riêng đối với số tiền còn lại là 56.000.000đồng, bà NG cho rằng trả vào ngày 25/3/2020 (số tiền 36.000.000đồng). ngày 25/4/2020 (số tiền 20.000.000đồng) nhưng bà Đ không thừa nhận, bà NG chứng M bằng tờ giấy ghi ngày 25/02/2020, xét nội dung tờ giấy này chỉ thể hiện trả số tiền 20.000.000đồng, không thể hiện nội dung trả số tiền 36.000.000đồng và số tiền 20.000.000đồng, Bà NG cũng không có chứng cứ nào khác để chứng M. Xét nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử buộc bà NG trả bà Đ số tiền 76.000.000đồng là chưa đánh giá toàn diện chứng cứ, do nguồn chứng cứ này bà NG cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm, nên sửa một phần bản án sơ thẩm đối với số tiền 20.000.000đồng bà NG đã trả cho bà Đ.

Từ những căn cứ như trên, xét kháng cáo của bà NG là có cơ sở một phần, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà NG, sửa án sơ thẩm theo hướng buộc bà NG trả cho bà Đ số tiền nợ hụi là 56.000.000đồng + 11.000.000đồng = 67.000.000đồng.

[4] Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà NG không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo qui định. Bà Trần thị Anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu khởi kiện không được Tòa chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản khoản 2 Điều 308, Điều 309 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự ; Căn cứ các Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị Định 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ; Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1.Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị Mỹ NG, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 53/2021/DS-ST ngày 18/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Anh Đ do bà Trần Thị Ngọc M đại diện theo ủy quyền.

-Buộc Bà Nguyễn Thị Mỹ NG có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị Anh Đ số tiền là 67.000.000 đồng.Thực hiện trả tiền NGy sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày bà Trần Thị Anh Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Mỹ NG chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần thị Anh Đ đòi bà Nguyễn Thị Mỹ NG phải trả tiếp số tiền 20.000.000đồng.

4. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Mỹ NG không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, bà NG phải chịu 3.350.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí do bà NG nộp theo biên lai thu tiền số 0004652 ngày 13/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang, nên phải nộp tiếp 3.050.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Trần Thị Anh Đ phải chịu 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 2.175.000 đồng tạm ứng án phí do bà Đ nộp theo biên lai thu tiền số 0004704 ngày 12/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang, nên được hoàn lại 1.175.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên án công khai lúc 14 giờ 10 phút, ngày 27 tháng 4 năm 2022.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND TP. Mỹ Tho, TG;
- CCTHADS TP Mỹ Tho, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Văn Đạt